

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (2025 – 2026)
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận- Lớp 11

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại	2 câu	1 câu	1 câu	1 câu	5 câu
		Thơ	1.0đ 10%	1.0đ 10%	1.0đ 10%	1.0đ 10%	4.0đ 40%
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học truyện/ thơ (Phần viết ở bài 1 và bài 2)	1* 20%	1* 20%	1* 10%	1* 10%	1 câu 60%
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100%
Tổng % điểm			60%		40%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng %
1	ĐỌC HIỂU	1. Truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu	2	1	1	1	5

			thuyết hiện đại. - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại. - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			Vận dụng cao: - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.					
		2. Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được câu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, câu tứ, hình thức bài thơ. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). - Xác định được chủ đề, tư					

			tưởng, thông điệp của bài thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. Vận dụng cao: - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ. - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.					
2	LÀM VĂN	Nghị luận về	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ					

		một đoạn trích/tác phẩm văn học (Truyện/thơ) thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,... của đoạn trích/tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm . - Phân tích được những biểu hiện riêng của loại hình nghệ thuật thể hiện trong tác phẩm (ví dụ, cốt truyện, nhân vật ...). - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm). Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
--	--	--	--	--	--	--	--

Tỉ lệ %			30	30	20	20	100
Tỉ lệ chung			60		40		100

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1. CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

1. Truyện ngắn hiện đại

- **Truyện ngắn** là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chặt chẽ, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật.

- **Truyện ngắn hiện đại** là khái niệm được dùng để phân biệt với truyện ngắn trung đại (truyện ngắn thời trung đại). Tuy có mặt tương đồng về dung lượng với truyện ngắn trung đại nhưng truyện ngắn hiện đại có những đặc điểm riêng. *Về đề tài*, truyện ngắn hiện đại nghiêng về những câu chuyện của đương thời, của đời sống thường nhật, không nhất thiết phải hướng tới những nhân vật và sự kiện kì lạ, phi thường. *Về cấu trúc*, truyện ngắn hiện đại thường được tổ chức xoay quanh một lát cắt của đời sống, ít thể hiện tham vọng bao quát toàn bộ sự kiện hay số phận nhân vật. *Về xây dựng tính cách*, truyện ngắn hiện đại quan tâm diễn tả những thay đổi về tâm lí, ứng xử của nhân vật trong quá trình phát triển của câu chuyện. *Về nghệ thuật trần thuật*, truyện ngắn hiện đại thường có sự chuyển đổi linh hoạt điểm nhìn và sử dụng ngôn ngữ gần gũi hơn với đời thường, trong đó việc miêu tả nét riêng của ngôn ngữ nhân vật được đặt biệt chú trọng.

2. Câu chuyện và truyện kể

- **Câu chuyện** (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian.

- **Truyện kể** gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ điểm nhìn nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật

không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...); Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.

Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng cũng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật. Điều này tạo nên tính đối thoại của tác phẩm và đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. Trong khi đó, **lời nhân vật** là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...).

BÀI 2: CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

1. Cấu tứ trong thơ

Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với *việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.*

Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm. Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa câu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu câu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ **tượng trưng** trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của **yếu tố tượng trưng**. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.

Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc... bằng những cách thức khác nhau. Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

3. Ngôn ngữ văn học

Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn. Bởi vậy, ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. Tính hình tượng và tính thẩm mỹ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn

học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,...

Đa nghĩa là một trong những tính chất rất nổi bật của ngôn từ trong tác phẩm văn học. Ở đây, từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

B.YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố: Câu chuyện, truyện kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, cấu tứ, yếu tố tượng trưng, ... trong văn bản đọc hiểu.

2. Viết văn

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm **truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại** (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 11 – **trang 39,43,44,45**), và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại theo yêu cầu.
- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm **thơ** (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 11 – **trang 66, 69,70,71**), và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ theo yêu cầu.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

SỞ GD & ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN-ĐÀ LẠT

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Ca dao và mẹ

Bùi Nguyễn Trường Kiên^(*)

*mẹ ru khúc hát ngày xưa
qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn*

*chân trần mẹ lội đầu non
che đông giữ tiếng cười giòn cho ai...
vì ai chân mẹ dẫm gai
vì ai tắt tả vì ai dãi dầu
vì ai áo mẹ phai màu
vì ai thao thức bạc đầu vì ai?*

*lớn từ dạo đó ta đi
chân mây góc biển mấy khi quay về
mẹ ngồi lặng cuối bờ đê
đếm năm tháng đếm ngày về của ta
mai vàng mấy lượt trở hoa
hàng hiên hanh nắng sương sa mấy lần
đồng xa rồi lại đồng gần
thương con mẹ lội đồng gần đồng xa*

*“ầu ơ...” tiếng vọng xé tim
lời ru xưa bỗng về tìm cơn mơ
đâu rồi cái tuổi ngày thơ
mẹ ta nay đã mịt mờ chân mây
chiều đông giăng kín heo may
tìm đâu cho thấy tháng ngày “ầu ơ...”*

Cuối đông 2000

(Trích *Quê nhà nỗi nhớ*, NXB Trẻ, 2003)

* **Bùi Nguyễn Trường Kiên** tên thật là Nguyễn Hữu Hà, quê ở tỉnh Quảng Nam. Ông là nhà báo, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, nay đã nghỉ hưu. Ông bắt đầu sáng tác truyện ngắn và thơ từ 1979 và đăng trên các báo *Tiền phong*, *Sài Gòn giải phóng*, *Người lao động*, *Thanh niên*, *Tuổi trẻ*. Thơ của ông giản dị, gần gũi nhưng vẫn mang những giá trị đẹp đẽ về tình yêu, tình người và đặc biệt là tình mẫu tử.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ. (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao khi viết về mẹ, tác giả lại nhắc đến lời ru? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: “*Trong đời sống hiện đại, những lời hát ru, những tiếng ầu ơ bên cánh võng, vành nôi đang bị mai một và đang dần đi vào quên lãng*” không? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 5. Nhà thơ Bùi Nguyễn Trường Kiên viết:

*mẹ ru khúc hát ngày xưa
qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn*

Còn trong bài thơ *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*, Nguyễn Duy viết:

*Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.*

Anh/Chị hãy chỉ ra sự gặp gỡ trong cảm xúc về lời ru của mẹ của hai nhà thơ. (Trình bày trong khoảng 7 – 10 dòng). (1,0 điểm)

II. VIẾT (6.0 điểm)

Anh (Chị) hãy viết một bài văn nghị luận phân tích cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ *Ca dao và mẹ* của tác giả Bùi Nguyễn Trường Kiên ở phần Đọc hiểu.

ĐỀ 2

SỞ GD & ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN-ĐÀ LẠT

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Tôi quyết định rồi, tôi sẽ bỏ nhà đi bụi đời. Tôi đang giận ba tôi ghê lắm. [...] Tôi mới mượn tạm tiền trong túi mẹ để đi chơi điện tử thôi mà bị đánh đòn tới hai roi. Đau thấu trời.

Tôi quyết định đến ngã tư chỗ rẽ về nhà ngoại, thế nào lúc ba mẹ cuống cuống chạy đi tìm cũng qua đây.

Ở đó, tôi gặp thằng Lạm. [...]

Thằng Lạm rờ cái cặp đầy nhóc quần áo tôi:

- Mày đi đâu mà ngồi đây?

Tôi nói đồng dục để chứng tỏ con người mình đầy dũng cảm:

- Đi bụi đời

Nó chê liền:

- Tưởng mày mà đi bụi? Yếu như cọng bún mà nói đi bụi, mắc cười.

Tôi giận lắm, tuy nhiên để chứng tỏ mình là người lớn, tôi nhún vai ra chiều không chấp. Tôi hỏi lại nó ra đây làm cái gì. Nó nói, nó tìm má nó. Tôi hỏi má nó ở đâu, nó lắc đầu hổng biết. Tôi hỏi tới:

- Sao kỳ vậy?

Thằng Lụm “còi” nhún vai, co mình lại tuồng như ngọn gió vừa bay qua lạnh lắm vậy.

- Hồi đó, hồi tao còn nhỏ ơ là nhỏ, má tao bỏ tao lại đây nè.

- Là sao?- tôi chưng hửng.

- Tao cũng đâu có biết. Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đây. Bởi vậy tao tên Lụm đó. [...]

- Sao mày đi bụi? - thằng Lụm chột hỏi

- Ba tao – tôi chép miệng ra vẻ oan ức. Ba tao đánh tao.

- Ý, bị đòn hả?- Tự nhiên nó hào hứng. [...]

- Mày sướng thiệt (trời, bị đánh mà sướng nổi gì). Vậy mà còn bỏ nhà đi. Đồ ngu! Tự nhiên vậy rồi nó chửi tôi à. Tôi cãi:

- Mày đâu có má có ba đâu có biết. Người lớn khó dữ lắm.

- Chẳng thà có má, có ba, bị rầy gì tao cũng chịu - thằng Lụm trở nên trầm ngâm, coi nó già quá trời! - Nhưng mày đừng có lo, tao ngồi đây thể nào cũng gặp má tao thôi. Thế nào má đi qua má cũng nhìn ra tao. Mai mốt bị rầy, bị đòn cho đã.

Tự nhiên tôi thấy thương thằng Lụm quá. Nó kể với tôi, nó đã chờ má nó từ hồi bảy tuổi tới giờ. Ban ngày nó đi bán bánh mì, ban đêm nó mới ra đây. Nó nói chừng nào nó giàu nó thôi bán bánh mì vì biết đâu má nó vẫn thường qua đây ban ngày mà không thấy nó. Nó chột hỏi:

- Mày sướng thấy mô mới bị đánh tí đã bỏ đi. Bây giờ mày có dám đối với tao không? Ở một mình buồn lắm, mày ngu thì thôi đi.

Thằng Lụm nói với giọng kẻ cả. Tôi giật mình, bây giờ có ông tiên nào hiện ra để đổi vị trí hai đứa, chắc tôi buồn lắm. Ủ, có lẽ, ở nhà, bị rầy bị đánh vẫn hơn đi bán bánh mì, ngủ bờ ngủ bụi như vậy. [...]

Thằng Lụm “còi” làm tôi hối hận và nhớ ba mẹ quá chừng. Tôi ngồi im lặng suy nghĩ trong khi thằng Lụm đứng dậy để nhìn mỗi khi có một lượt xe dừng lại trước đèn đỏ. Tôi chột sợ quá, có khi nào ba mẹ giận bỏ tôi luôn như thằng Lụm không. Ba mẹ sẽ sanh nhiều thiệt nhiều em khác còn tôi thì biết kiếm đâu ra ba mẹ khác bây giờ. Tôi ngồi lo lắng đến mức, khi ba mẹ tôi ghé xe lại dưới đường tôi còn không hay. Thấy bóng mẹ đứng trước mặt mình, tôi bật khóc:

- Con tưởng đâu ba mẹ bỏ con luôn rồi.

Mẹ không vỗ vập ôm lấy tôi mà điềm đạm cầm bàn tay tôi bóp mạnh, còn ba thì vỗ vỗ vào đầu tôi.

- Con hư quá. Con đừng làm vậy ba mẹ buồn.

Thằng Lụm đứng trân trân nhìn tôi với đôi mắt buồn tui.[...]

(Trích *Lum Còi*, Nguyễn Ngọc Tư (*))

(*) Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, Nguyễn Ngọc Tư: miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm; viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình; giọng văn đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích trên, nhà văn đã sử dụng những điểm nhìn nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao khi “tôi” kể bị đánh mà thằng Lum lại bảo “mày sướng thiệt”? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm: *Hãy rời xa gia đình và sống cuộc đời như bạn muốn không? Vì sao?* (Trả lời từ 4 – 6 dòng). (1,0 điểm)

Câu 5. Nếu là “tôi” trong câu chuyện trên, khi được trở về nhà, anh/ chị sẽ nói gì với cha mẹ? (Trả lời từ 7 – 10 dòng). (1,0 điểm)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nghệ thuật kể chuyện của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

-----Hết-----

